

CHUYÊN ĐỀ:

CHÍNH SÁCH LÂM NGHIỆP VÀ XÂY DỰNG MẠNG LƯỚI CHÍNH SÁCH LÂM NGHIỆP Ở

VIỆT NAM

Nghiên cứu mới đây của TS Bernd Liss, chuyên gia tư vấn dự án GTZ, nhận định hiện nay trong ngành lâm nghiệp Việt Nam, quá trình hình thành chính sách chậm, chưa đáp ứng được những đòi hỏi bức xúc của thực tiễn, các chính sách chưa phát huy hết vai trò của ngành lâm nghiệp trong tăng trưởng kinh tế, xoá đói giảm nghèo và bảo vệ môi trường. Trong hội thảo tại Sở Nông nghiệp & PTNT Đắk Lắk, Buôn Ma Thuột ngày 19/3/2007, TS Bernd Liss nhận xét những trở ngại trong công tác hoạch định chính sách lâm nghiệp ở Việt Nam đó là: Chưa có phân tích một cách thấu đáo; thiếu ý kiến cơ sở; thiếu phản hồi; ít công cụ kiểm tra chất lượng chính sách. Vấn đề đặt ra là làm sao để tăng cường hiệu quả công tác hoạch định chính sách? Một trong những giải pháp đổi mới đó là thiết lập

mạng lưới chính sách lâm nghiệp có hiệu quả, mạng lưới này sẽ góp phần vượt qua những vấn đề trên và cải tiến công tác làm chính sách lâm nghiệp theo hướng tăng cường hiệu quả thực thi. Trong chuyên đề phát triển và hội nhập số này chúng tôi xin giới thiệu các bài viết về chính sách lâm nghiệp và việc thiết lập mạng lưới chính sách lâm nghiệp ở Việt Nam.

- Lý thuyết xây dựng mạng lưới của Urs Karl Egger, chuyên gia về quản trị và chia sẻ tri thức thuộc Trung tâm Nguồn lực và Tư vấn Phát triển Thụy Sĩ (SKAT).

- Hoạt động theo mạng lưới: công cụ hỗ trợ công tác hoạch định và triển khai chính sách lâm nghiệp ở Việt Nam của Tiến sỹ Bernd Liss

- Lâm nghiệp xã hội và xã hội hoá lâm nghiệp hóa của chuyên gia Tô Đình Mai

Xây dựng mạng lưới quốc tế về chia sẻ kiến thức

Lý thuyết và những bài học kinh nghiệm

Giới thiệu

Mô hình tiềm năng

Mô hình mạng lưới là cách tiếp cận hiệu quả để giải quyết những hạn chế về kiến thức phát triển của các nước đang phát triển (Nam). Với sự liên kết này, các hoạt động có thể được phối hợp, kiến thức có thể được chia sẻ giữa các nước phát triển và các nước đang phát triển cũng như trong phạm vi và giữa các quốc gia đang phát triển. Thông qua mạng lưới, các bài học thực tiễn hay nhất có thể được trao

đổi và các tiêu chuẩn, qui tắc chung có thể được xây dựng. Thực tế, đã có nhiều mô hình mạng lưới được xây dựng trong nhiều lĩnh vực.

Vậy trong thực tế các mạng lưới này đã hoàn thành các mục tiêu đề ra chưa? Các kết quả còn chưa được khẳng định. Trong lúc một số mạng lưới tạo ra tác động đáng kể trong lĩnh vực của mình, thì một số mạng lưới khác lại chưa cho thấy kết quả này và hoạt động của chúng được tạo ra chủ yếu nhờ vào các nguồn tài trợ. Một số mạng lưới tỏ ra năng động, một số khác tỏ ra thụ động. Tất cả các mạng lưới đều đòi hỏi nỗ lực lớn từ các bên tham gia và thường bị đánh giá là rất tốn kém. Vấn đề là chúng ta có thể học được gì từ những mạng lưới quốc tế hiện hành trong chia sẻ kiến thức?

Định nghĩa

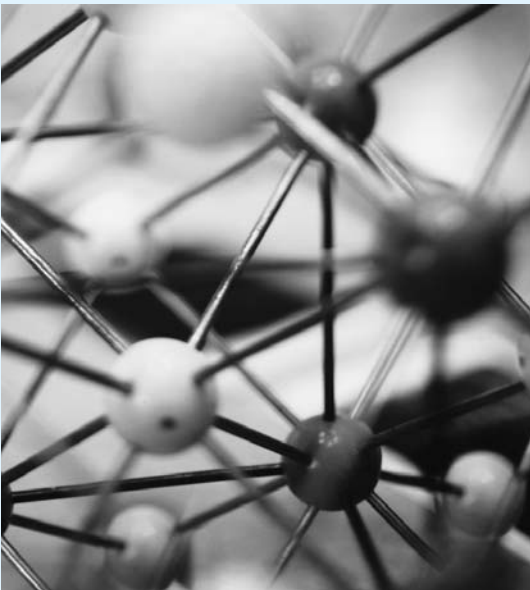
"Mạng lưới quốc tế về chia sẻ kiến thức" có thể được hiểu là một hệ thống hay cấu trúc các mối quan hệ đối tác đã được thể chế hoá giữa các cơ quan hoặc tổ chức, và có thể có hình thức là một pháp nhân. Các đối tác thuộc cùng một mạng lưới có quyền tự chủ và cung cấp nguồn lực một cách tự nguyện. Họ có

chung một quan điểm, các mục tiêu và qui định. Các đối tác cùng có các hoạt động và các cuộc họp định kỳ được tổ chức. Theo định nghĩa này, các mạng lưới có một mức độ thể chế hoá và tổ chức cao hơn so với các cơ chế trao đổi phi chính thức.

Quan điểm, Nhiệm vụ và Mục tiêu

Sự hình thành một mạng lưới quốc tế thường dựa trên quyết định của một số cá nhân tham gia. Các mạng lưới rất ít khi bắt đầu các hoạt động từ chỗ không có gì, mà thường là được xây dựng từ các mạng lưới không chính thức đang tồn tại. Động cơ đằng sau việc hình thành một mạng lưới có thể do: tăng cường sự hợp tác, tránh sự trùng lặp, chia sẻ tốt hơn về thông tin, kiến thức, học hỏi các kinh nghiệm thực tiễn, tạo tác động tốt hơn trong ngành. Yếu tố chung là nhu cầu phối hợp về chuyên môn nhằm thực thi một công việc tốt hơn. Đây chính là lực đẩy dẫn tới việc hình thành nhiều mạng lưới.

Mạng lưới cần có được quan điểm chung về nhiệm vụ, các giá trị được chia sẻ cũng như các



chức năng và cơ chế cơ bản. Điều này giúp các bên tham gia thống nhất quan điểm với nhau và cùng nhau duy trì mạng lưới. Việc hình thành một quan điểm chung là bước đi quan trọng đầu tiên song đây cũng chính là xuất phát điểm của các mâu thuẫn do sự khác biệt về lợi ích và các nền văn hoá.

**Dạng sau các
mạng lưới chính là nhu cầu
về chuyên môn để thực
hiện một công việc tốt hơn**

Mạng lưới cần định hình rõ nhiệm vụ trọng tâm thông qua phân tích tình hình. Kiến thức gì là cần thiết? Kiến thức nào đang có và các mạng lưới khác đang làm gì? Còn thiếu kiến thức ở điểm nào? Bên cạnh đó, các bên cần xác định các lĩnh vực mà mình có lợi thế. Sự kết nối giữa các lợi thế chính với kiến thức cần có sẽ giúp xác định được nhiệm vụ trọng tâm để mạng lưới triển khai các hoạt động và nhiệm vụ này không nên được xác định quá rộng. Một mạng lưới ôm đồm mọi việc thì chẳng làm được việc gì đúng cả.

Để đạt được hiệu quả, các mạng lưới cần tập trung vào một số lĩnh vực, song ở thời điểm ban đầu, các bên tham gia mạng lưới thường đem đến nhiều mối quan tâm khác nhau. Bên cạnh đó, những năm gần đây cho thấy xu hướng của nhà tài trợ là để các mạng lưới ôm đồm nhiều lĩnh vực rộng lớn hay nắm bắt những vấn đề khác nhau. Những gì đã xảy ra là các mạng lưới bắt đầu không tạo sản phẩm mới và tiếp tục làm những gì đã làm. Các phương thức tiếp cận bền vững, tổng hợp thực tế cũng có thể khiến mạng lưới đánh mất trọng

tâm phương hướng hoạt động của mình và đề ra các mục tiêu quá rộng để rồi không thể đạt được một cách thuyết phục và có ý nghĩa nhất.

Tìm ra nội dung cần tập trung hợp lý sẽ luôn là một thách thức đối với các mạng lưới, và nếu các mạng lưới cần phải tập trung vào vấn đề đã được xác định rõ, họ cần phải liên tục cân nhắc xem họ đã ở đúng vị trí hay chưa. Một danh mục các hoạt động mà mạng lưới sẽ không thực hiện chính là biện pháp ban đầu và thường giúp nhận biết điểm trọng tâm tốt hơn. Có một sự thử nghiệm đơn giản xem mạng lưới được tập trung đủ hay chưa là: Nếu mục tiêu chung được giải thích bằng một số câu đơn giản, điều đó cho thấy mạng lưới đã được tập trung đủ. Với kết luận này, các nhà tài trợ của các mạng lưới cần phải nhận biết rằng họ luôn cần hướng tới các điểm trọng tâm hơn là sự đa dạng hoá các nội dung ở mức độ cao.

Cấu trúc quản lý

Khó khăn trong hoạt động của mạng lưới quốc tế là các thành viên của hệ thống nằm dàn trải tại các điểm khác nhau trên thế giới, khoảng cách để có được các cuộc gặp gỡ trực tiếp lại quá xa, các chuyển bay thì tốn kém, các múi giờ làm cản trở thông tin liên lạc, và các nền văn hoá khác nhau cùng qui tụ lại. Trong trường hợp như vậy, một cấu trúc quản lý rõ ràng, minh bạch và đơn giản là rất cần thiết.

Tập trung hoá và phi tập trung hoá

Một vấn đề quan trọng đối với mạng lưới quốc tế là xác định được cấp độ tập trung hoá hay phi tập trung hoá. Ai là người có

trách nhiệm và trách nhiệm đến đâu? Cần có một ban thư ký không? Có cần thiết lập mạng lưới tiểu khu vực không? Không có bản thiết kế chi tiết nào đối với một cấu trúc mạng lưới lý tưởng, tuy vậy, cũng có một số điểm cốt lõi có thể được tìm thấy trong mỗi một mạng lưới.

Ở vị trí đầu của nhiều mạng lưới quốc tế là vị chủ tịch có danh tiếng - người nắm giữ vai trò đại diện và chiến lược. Một ban chỉ đạo hoặc ban quản lý nắm giữ một vai trò tích cực, chịu trách nhiệm các vấn đề mang tính chiến lược và dự thảo kế hoạch hoạt động. Một số mạng lưới có ý định mở rộng các ban này để vừa nắm vai trò đại diện tốt hơn và vừa tìm cách tạo ra mối gắn kết chặt chẽ với các bên liên quan quan trọng nhất. Tuy nhiên, kết quả cho thấy trong các ban lớn thường chỉ có một nửa số thành viên thực sự tham gia vào các cuộc họp. Điều này làm giảm giá trị của các ban và gây thất vọng cho thành viên tham gia. Do vậy, nên duy trì qui mô vừa phải của ban chỉ đạo.

Nhằm duy trì mối liên hệ với số đông các bên liên quan, có thể thiết lập một ban bảo trợ hay hỗ trợ không có chức năng điều hành hoạt động. Các thành viên của ban này cung cấp trợ giúp mạng lưới khi cần thiết.

Ban thư ký nắm giữ một vai trò trung tâm trong các mạng lưới quốc tế. Do tính phức tạp của mạng lưới quốc tế, một ban thư ký qui mô nhỏ, chính thức nên được thiết lập. Một ban đầu mối cũng cần được xây dựng phục vụ các hoạt động phối hợp của mạng lưới. Trong trường hợp không có đầu mối, một thành viên mạng lưới có thể đảm nhận một cách không chính thức vai trò này. Một thách thức đặt ra là

ban thư ký không nên quá mạnh, lấn át sự tham gia của các thành viên trong mạng lưới. Ban thư ký cần nắm vai trò kích thích sự tích cực của các thành viên và hỗ trợ họ trong công việc. Nếu ban thư ký được duy trì ở qui mô nhỏ, sẽ có lợi thế là các chi phí kèm theo được hạn chế theo khung giới hạn.

Khu vực hóa

Nhiều mạng lưới quốc tế về chia sẻ kiến thức được khởi xướng bởi các tổ chức thuộc các nước phát triển có các hoạt động mạng định hướng và chịu sự chi phối bởi các nước này. Hoạt động mạng lưới tạo ra sự cân bằng giữa các đối tác Bắc-Nam có thể là một tiến trình rất khó khăn do đối tác phương Bắc phải giảm bớt quyền kiểm soát mạng lưới trong khi đối tác phía Nam phải gánh vác trách nhiệm lớn hơn và xây dựng quyền sở hữu.

**Nhiều mạng lưới
hiện đứng trước thách thức
làm sao và bằng cách nào
chuyển giao thêm trách
nhiệm cho các đối tác miền
Nam.**

Một xu hướng đang xuất hiện là ngày càng có sự khu vực hoá mạnh mẽ mạng lưới quốc tế trong đó các liên minh khu vực được hình thành như một phần của mạng lưới toàn cầu. Các mạng lưới khu vực tỏ ra nắm bắt sát thực hơn nhu cầu trong lĩnh vực của mình và sự đa dạng về văn hoá cũng ít có ý nghĩa hơn. Do các dòng vốn tài chính song phương và đa phương được cung cấp trực tiếp cho các quốc gia phía Nam ngày càng lớn, các liên minh khu vực sẽ tiếp cận các nguồn vốn này dễ dàng hơn so với các mạng lưới quốc tế.

Xu hướng mới này phản ánh sự thừa nhận của các nhà tài trợ rằng các đối tác phương Bắc cần được khuyến khích chuyển giao vai trò chỉ đạo từng bước cho phương Nam. Theo cách này, các nhu cầu của các nước đang phát triển sẽ được nắm bắt và đáp ứng một cách hiệu quả hơn. Trong bối cảnh có nhiều thay đổi, các đối tác phương Bắc trong mạng lưới quốc tế sẽ đóng vai trò hỗ trợ cho các đối tác miền Nam.

Tư cách pháp nhân

Cần xây dựng tư cách pháp nhân nào cho các mạng lưới quốc

tế? Có một số mạng lưới quốc tế không đăng ký về mặt pháp nhân. Do cần có hành lang pháp lý phục vụ các mục đích tạo lập các nguồn vốn và trình đề xuất dự án cho các nhà tài trợ, các mạng lưới này cần được đại diện bởi một tổ chức. Các mạng lưới quốc tế khác đã được đăng ký pháp lý trong một quốc gia, thậm chí tại một vài quốc gia, do đây là cách hữu dụng để tiếp cận được các nguồn vốn. Việc đăng ký pháp lý có một lợi thế là các đối tác của mạng lưới buộc phải trình bày rõ mục tiêu và đồng ý về một cấu trúc cho mạng lưới.

Các thành viên và đối tác

Các thành viên hay đối tác luôn là trung tâm điểm của bất cứ mạng lưới nào. Thành công và thất bại tùy thuộc vào sự nhiệt huyết và năng lực mà họ dành cho mạng lưới. Các nghiên cứu trường hợp hầu hết đều cho thấy rằng các mạng lưới bắt đầu bằng số ít các thành viên và vấn đề sau đó được cân nhắc xem mạng lưới có nên được mở rộng hay không. Nếu một mạng lưới sẵn sàng mở cửa tiếp nhận thành viên mới, sẽ qui tụ được nhiều quan điểm khác nhau và mạng lưới có thể đáp ứng nhu cầu số đông các đối tượng. Tuy nhiên, với quá nhiều các thành viên, nên tảng tạo ra niềm tin và sự cam kết có thể bị mất đi. Nếu một mạng lưới quá kín, tác động nó tạo ra sẽ rất hạn chế và nhiều đối tượng sẽ không tiếp cận được kiến thức và thông tin mà mạng lưới đã tạo ra. Không có trả lời đơn giản nào giải đáp cho vấn đề này và mọi mạng lưới đều cần phải tự tìm ra sự cân bằng giữa tính "mở" và "kín" trên cơ sở cân nhắc tới các cơ chế quản lý và cấu trúc thực hiện.



Các cấp thành viên khác nhau - Mô hình "củ hành"

Một mô hình có thể giúp giải quyết vấn đề "mở" hay "đóng kín" của một mạng lưới là "mô hình củ hành" gồm một nhóm các thành viên chủ chốt được bao bọc bởi nhiều lớp các thành viên khác nhau. Về cơ bản, nhóm các thành viên chủ chốt sẽ đưa ra quyết định về mục tiêu, chiến lược và các hoạt động của mạng lưới. Các thành viên nằm ngoài ít tạo tác động lên những vấn đề quản lý, điều hành nhưng có thể vẫn tiếp cận được các thông tin và kiến thức mà mạng lưới tạo ra.

Thông thường, trong giai đoạn đầu các mạng lưới cung cấp thông tin và kiến thức mà không tính phí đối với các thành viên, các tổ chức và nhà chuyên môn. Tuy nhiên, vấn đề phí thành viên nên được bàn thảo trong tương lai liên quan tới việc tạo kinh phí hoạt động cho mạng lưới. Một mạng lưới quốc tế về chia sẻ kiến thức cung cấp nhiều dịch vụ khác nhau cho các thành viên của mình - giống như một tổ chức hay một hiệp hội chuyên môn. Cũng không nên xem phí dịch vụ là điều cấm kỵ để thảo luận, và nên chăng các thành viên mạng lưới cần thanh toán cho các dịch vụ cần nhiều chi phí.

Làm rõ vai trò của các bên tham gia

Như đã nêu tại phần trên, một mạng lưới quốc tế cần có một cấu trúc quản lý đơn giản và rõ ràng trong đó xác định rõ quyền hạn và nhiệm vụ của mọi thành viên dựa theo năng lực, thế mạnh và lợi ích của họ. Một ví dụ tốt minh họa cho vấn đề này liên quan tới hoạt động của mạng lưới lưu vực (basin), nơi các đối tác tự chia trách nhiệm theo các lĩnh vực khác nhau về công trình xây

dựng bền vững và theo cách này tránh các hoạt động sao chép lại.

Một mạng lưới quốc tế đứng vững hay sụp đổ tùy thuộc vào nhóm hạt nhân có trách nhiệm trước vận mệnh của mạng lưới.

Một mạng lưới quốc tế đứng vững hay sụp đổ tùy thuộc vào nhóm hạt nhân có trách nhiệm trước vận mệnh của mạng lưới. Khi đó nó sẽ được hoàn thiện bởi số đông các thành viên thụ động. Và điều này là có thể chấp nhận được. Các thành viên tích cực không nên ca thán về các đồng nghiệp kém tích cực bởi cả hai đều nắm giữ những vai trò quan trọng. Các thành viên thụ động có thể chia sẻ kiến thức với các thành viên khác và tham gia tích cực hơn vào tiến trình trong giai đoạn tiếp theo. Qua năm tháng, vai trò và cấp độ hoạt động của các thành viên trong mạng lưới sẽ thay đổi.

Các mạng lưới thường không thoát khỏi những cuộc đấu tranh về quyền lực. Luôn luôn có những thành viên mạnh và yếu, thành viên tích cực và thụ động. Đặc biệt, ban thư ký và nhóm chủ chốt có nhiều quyền lực hơn so với các thành viên khác trong mạng lưới. Điều này là không tránh khỏi song cần được minh bạch hoá và thảo luận. Một biện pháp nhằm làm giảm ảnh hưởng và quyền lực của một cá nhân hay một nhóm nhỏ các thành viên có thể là luân chuyển các nhiệm vụ và trách nhiệm trong mạng lưới.

Để một mạng lưới đạt được thành công lâu dài, các mối quan hệ giữa các thành viên (đối tác) cần có chung các điểm lợi thế mà không ảnh hưởng tới quyền tự chủ và tính độc lập của nhau.

Làm chủ sự thay đổi thể hệ

Giống như các tổ chức khác, các mạng lưới quốc tế gặp khó khăn khi các thành viên sáng lập già đi và sẽ nghỉ hưu. Đây là giai đoạn đặc biệt khi một khối lượng lớn kiến thức có thể bị mất và các mạng lưới cần đảm bảo rằng các kiến thức của thế hệ đi trước được chuyển giao cho thế hệ đi sau một cách chặt chẽ và kịp thời. Cách tốt nhất để làm việc này là tạo điều kiện cho các thành viên mới vào vị trí những người học việc. Họ sẽ có điều kiện làm quen dần với hệ thống bằng cách học hỏi những đồng nghiệp có nhiều kinh nghiệm hơn. Phương pháp này có lợi thế đảm bảo khối lượng kiến thức không bị mất đi. Các thế hệ đi trước cần hiểu rằng việc chuyển giao đồng nghĩa với việc chuẩn bị trước, từng bước rời lỏng quyền quản lý và tạo nhiều điều kiện hơn cho các ý tưởng và tinh thần mới được hình thành và phát huy.



Quản lý

Các mạng lưới chỉ có thể thu được kết quả tốt cho các đối tác, các thành viên cũng như các bên liên quan một khi họ cam kết thực hiện công tác quản lý mang tính chuyên nghiệp. Công tác quản lý hiệu quả được đặc trưng bởi việc làm chủ nhiều công cụ.

Kế hoạch hoạt động

Mọi mạng lưới quốc tế cần xây dựng kế hoạch hoạt động trong đó chia các ý tưởng và công việc thành các chiến lược, mục tiêu và hành động cụ thể. Công tác quản lý tốt đồng nghĩa với việc mỗi năm một kế hoạch hoạt động cần được xây dựng hàm chứa các hoạt động, trách nhiệm và mục tiêu rõ ràng. Một số cam bẫy thông thường cần được né tránh. Các mục tiêu (những nội dung cần đạt được trong khoảng thời gian nhất định) và các hoạt động (những nội dung cần thực hiện để đạt được mục tiêu đề ra) không nên trong trạng thái bị xáo trộn. Một thành viên có trách nhiệm cần được trao nhiệm vụ quản lý và ngày tháng để hoàn thành một hoạt động nào đó cần được xây dựng. Và cuối cùng, các mục tiêu đề ra cần mang tính sát thực và có thể đạt được.

Tiếp thị

Một số nhà chuyên môn về quản lý kiến thức cho rằng "quản lý sự chú ý" nên thay thế cho quản lý về kiến thức. Do có quá nhiều thông tin trong thời đại bùng nổ thông tin, chỉ nội dung nào tạo ra sự chú ý thì mới nên cần được lĩnh hội và xử lý. Đây cũng là bài học đối với các mạng lưới quốc tế. Các mạng lưới cần tạo ra sự chú ý cho các hoạt động của mình thông qua hoạt động tiếp thị. Trong một số trường hợp, tiếp thị mang ý nghĩa tiêu

cực khi diễn giải theo cách thuyết phục người tiêu dùng mua các sản phẩm mà họ không hề muốn và không có nhu cầu. Song tiếp thị cũng có thể được xem như một công cụ quan trọng nhằm thu hút sự chú ý và chuyển tải sự chú ý trong môi trường có rất nhiều thông tin. Do đó các mạng lưới cần xây dựng được một chiến lược tiếp thị tốt cho các dịch vụ của mình.

Tư duy chiến lược và sự cải tiến

Ngay cả khi một mạng lưới được tổ chức và quản lý tốt, điều đó không có nghĩa là một sự đảm bảo cho mọi thành công lâu dài. Các mạng lưới giống như các công ty và tổ chức luôn đứng trước bối cảnh có sự thay đổi liên tục. Các mạng lưới cần có tư duy chiến lược và tư duy kinh doanh. Điều này có nghĩa là gì? Câu trả lời rất đơn giản: tư duy chiến lược được đưa ra trong trường hợp các đối tác trong mạng lưới liên tục nêu câu hỏi "chúng ta cần làm gì hôm nay để mạng lưới có được sự thành công trong tương lai?". Một mạng lưới cần liên tục thăm dò và tìm ra các ý tưởng và cơ hội mới phục vụ cho các hoạt động phát triển tương lai. Đây là công việc đầy thách thức song chỉ có các mạng lưới có khả năng thích nghi với môi trường biến đổi mới có thể đảm bảo cho sự tồn tại lâu dài của mình.

Giám sát và đánh giá

Các kết quả và tác động của một mạng lưới kiến thức nhiều khi rất khó có thể đo lường được. Đây là một thực tế. Tuy nhiên, quản lý một mạng lưới mà không có sự giám sát liên tục cũng giống như lái chiếc máy bay trong sương mù mà không có các phương tiện hỗ trợ. Nếu một

mạng lưới và các thành viên mạng lưới không biết được họ đang ở đâu và họ đang đi tới hướng nào thì công tác quản lý mạng lưới sẽ không thực hiện được. Bên cạnh đó, công tác giám sát có độ tin cậy cao cũng rất cần thiết nhằm tạo ra các nguồn vốn vì các nhà tài trợ luôn chú ý tới kết quả và tác động tạo ra từ các nguồn đầu tư. Mặc dù đây không phải là công việc dễ dàng, vẫn có những biện pháp khả dĩ nhất để giám sát việc vận hành của một mạng lưới. Một vài chỉ số rất dễ có thể theo dõi, như lượng người truy cập mạng website hay số lần tải các tài liệu trên mạng. Một cách khác đưa ra bức tranh về một hoạt động đó là sự thu thập thường xuyên và có hệ thống các hoạt động thành công và thất bại được tạo ra từ mạng lưới. Và cuối cùng, khảo sát trực tiếp bởi các bên liên quan, các thành viên và đối tác trong mạng lưới có thể cung cấp nguồn thông tin bổ sung. Ngày nay, có nhiều công cụ hoạt động trực tuyến vừa rẻ vừa đơn giản để sử dụng. Một sự giám sát thường xuyên không thay thế được các hoạt động đánh giá độc lập tổng thể và theo từng giai đoạn về cấu trúc và tiến trình quản lý cũng như các hoạt động của một mạng lưới.

Ngân sách

Các nghiên cứu về mạng lưới cho thấy ngân sách thường bao hàm nhiều loại khác nhau theo các giai đoạn thời gian khác nhau: ngân sách mạng lưới của các đối tác tạo nên gồm ngân sách chương trình, ngân sách dự án và ngân sách đặc biệt cho các hoạt động cụ thể. Một số mạng lưới không có ngân sách trung ương và mọi đối tác phải tìm nguồn ngân sách cho các hoạt động mạng lưới một cách độc lập.

Tính chất phức tạp của sự hỗ trợ tài chính này là một thực tế kể từ khi các nhà tài trợ song phương và đa phương thường có những yêu cầu khác biệt về bố trí ngân sách. Sự phức tạp về ngân sách một phần do tính phức tạp của mạng lưới quốc tế do các mạng lưới thường hay phụ thuộc vào sự hỗ trợ từ một nguồn duy nhất.

Tính chất phức tạp về ngân sách làm cho công tác huy động vốn và quản lý mạng lưới đôi khi trở nên khó khăn. Mặc dù vậy, những khó khăn này không nên đổ lỗi do thiếu sự minh bạch hay sự thái quá trong quản lý hành chính. Các thành viên mạng lưới luôn cần hiểu rõ ai là người nhận và nhận được bao nhiêu tiền và số tiền được dùng để làm gì. Chỉ bằng cách này công tác điều phối mới thực hiện một cách hiệu quả.

Chia sẻ kiến thức

Chia sẻ kiến thức là hoạt động then chốt trong mạng lưới kiến thức quốc tế: chúng tích tụ thông tin và kiến thức, chúng xây dựng thành tài liệu các kinh nghiệm và thực tiễn hay nhất, chúng tuyên truyền các bài học kinh nghiệm, tạo lập kiến thức mới và cải thiện khả năng tiếp cận thông tin và kiến thức. Các nghiên cứu trường hợp cho thấy có nhiều phương pháp khác nhau được sử dụng nhằm hoàn thành các nhiệm vụ này.

Công cụ chia sẻ kiến thức

Đối với các mạng lưới quốc tế, công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) là các công cụ hiệu quả giúp cải thiện số lượng và chất lượng của công tác truyền thông. Chúng đưa ra nhiều cơ hội nhằm thông tin một cách độc lập thời gian và địa điểm địa lý, trình bày các thông tin dưới hình

thức thuận tiện cho việc tiếp cận. Có nhiều công cụ thông tin và truyền thông khác nhau như:

- Website mô tả mạng lưới và cung cấp các tin mới nhất về mạng lưới;
- E-mail cho các giao dịch hàng ngày;
- Các thảo luận nhóm bằng thư điện tử và danh mục thư;
- Các ấn phẩm điện tử có thể truy cập từ mạng website;
- Các trang vàng hoặc bản đồ kiến thức giúp tìm kiếm các chuyên gia và tổ chức thích hợp;
- Các hội nghị điện tử trên Internet;
- Video, CD ROM và các hình thức hỗ trợ khác;
- Các hội nghị sử dụng điện thoại.

Mặc dù có nhiều tiện ích, ICT không thể thay thế các hình thức giao tiếp trực tiếp và các hình thức truyền thông thông thường. Trong khi ICT tiếp tục đưa ra nhiều sự lựa chọn khác nhau, các cuộc họp thường kỳ, các hội thảo và hội nghị vẫn rất cần thiết. Các cuộc họp trực tiếp đóng vai trò quan trọng nhằm tạo ra niềm tin và duy trì tính năng động của cộng đồng trong một mạng lưới và chúng là công cụ quan trọng cho việc chia sẻ kiến thức. Trong tất cả nghiên cứu trường hợp, các thành viên thường tổ chức hội nghị ít nhất mỗi năm một lần.

Gặp gỡ trực tiếp vẫn giữ vai trò quan trọng trong việc tạo ra niềm tin và giữ cho cộng đồng trong một mạng lưới sống động.

Các hình thức truyền thông chia sẻ kiến thức khác vẫn giữ vai trò quan trọng, gồm các tài liệu trên giấy - từ các tạp chí, từ



tin thông thường tới các cuốn sách và ấn phẩm khác. Tại nhiều nơi trên thế giới, chỉ một phần nhỏ dân tộc thiếu số tiếp cận được Internet và các thông tin phản hồi tiếp tục cho thấy nhu cầu về nguồn tài liệu trên giấy còn rất lớn. Tuy nhiên, dự báo cho thấy rằng nhu cầu về tài liệu trên giấy sẽ có chiều hướng giảm dần trong tương lai.

Các mạng lưới cũng thường đưa ra một số dịch vụ hỏi đáp có thể được tiếp cận bằng e-mail, máy fax hay các hình thức thư tín truyền thống để tiếp nhận các giải đáp. Các câu hỏi thường được thu thập và bổ sung vào cơ sở dữ liệu về kiến thức của các mạng lưới.

Nói tóm lại, các mạng lưới thường sử dụng các công cụ khác nhau để chia sẻ thông tin và kiến thức bởi thực tế là con người giao tiếp và học hỏi theo nhiều cách khác nhau. Một số người có thể chuộng đọc sách, một số chuộng lối diễn đạt bằng văn nói và một số chuộng lắng nghe người khác trình bày. Hầu hết mọi đối tượng kết hợp các kỹ thuật học hỏi đa chiều và sở thích như vậy mang đặc trưng cá nhân cao.

Con người có thể giao tiếp và học bằng nhiều cách khác nhau. Một vài người muốn học hỏi qua sách vở, một số lại thích trò chuyện và một số khác lại thường chú ý lắng nghe người khác

Những điều kiện tiên quyết trong chia sẻ kiến thức

Trong nhiều cuộc thảo luận về chia sẻ kiến thức, các công cụ khác nhau và sự ứng dụng của chúng vào thực tế luôn là các vấn đề thu hút sự quan tâm. Tuy vậy, kinh nghiệm thực tế cho thấy có một số yếu tố tinh tế không nên bị bỏ qua.

Điều kiện cơ bản cho chia sẻ kiến thức chính là niềm tin lẫn nhau giữa các thành viên của một mạng lưới. Con người chỉ chia sẻ kiến thức một khi họ tin tưởng lẫn nhau. Sự tin tưởng được duy trì lặp đi lặp lại thông qua công tác truyền thông sâu rộng và các kinh nghiệm đã được chia sẻ. Các đối tác trong một mạng lưới cần lưu ý rằng niềm tin không bị mất đi song niềm tin có thể bị huỷ hoại nhanh chóng và đòi hỏi nhiều thời gian để xây dựng lại.

Một trong những điều kiện tiên quyết cho sự chia sẻ kiến thức đó là sự tin tưởng lẫn nhau.

Một khía cạnh của niềm tin là nét văn hoá "cho" và "nhận" trong mạng lưới. Mỗi đối tác cần nhận thức rằng họ không chỉ được hưởng lợi từ mạng lưới mà còn có những đóng góp nhất

định. Đó là sự-cho-và-nhận tương tự như hoạt động trong mạng lưới hoạt động cá nhân của chúng ta. Những người mà chỉ lấy mà không hề cho cái gì đương nhiên sẽ bị người khác ghét bỏ.

Một điều kiện quan trọng cho xây dựng niềm tin là tạo ra sự cân bằng giữa tính "mở" và "sự hạn chế" trong phạm vi một mạng lưới kiến thức. Mạng lưới cần được mở cửa ra bên ngoài và cần có đối thoại giữa người bên trong và bên ngoài mạng lưới. Trừ phi điều này, mạng lưới kiến thức sẽ bị "bốc hơi". Tuy nhiên, nếu có quá nhiều thành viên, việc điều phối sẽ ngày càng trở lên khó khăn hơn, và việc duy trì niềm tin giữa các đối tác trong mạng lưới cũng sẽ trở thành một thách thức lớn.

Nếu các yếu tố tinh tế trên đây được chú trọng đúng mức, một tinh thần chung được tạo ra nơi mọi người đều sẵn lòng hợp tác và gặp gỡ lẫn nhau. Với tinh thần như vậy, các mạng lưới quốc tế trở thành các cơ quan năng động trong cộng đồng phát triển hỗ trợ cho việc chia sẻ kiến thức.

Triển vọng

Đâu là những bài học kinh nghiệm chính cho xây dựng mạng lưới quốc tế? Vẫn còn quá nhiều sự trùng lặp, sao chép trong hợp tác phát triển, quá nhiều lỗi lầm mắc phải lặp đi lặp lại. Các mạng lưới cần chú trọng hơn tới các cấu trúc và hệ thống quản lý và các biện pháp các mạng lưới sử dụng để chia sẻ kiến thức.

Trong những năm tới đây, các mạng lưới quốc tế sẽ phải đương đầu với nhiều thách thức bởi môi trường hoạt động của chúng sẽ trở nên ngày càng năng động và cạnh tranh hơn. Cuộc đấu tranh để tranh thủ được nguồn tài nguyên khan hiếm ngày càng có ý nghĩa quan trọng. Một số mạng lưới sẽ biến mất, số khác có tính cạnh tranh và năng động hơn sẽ tồn tại, một số sẽ hình thành, số khác sẽ tan vỡ. Tiến trình này là hoàn toàn bình thường. Các mạng lưới không phải là các bộ xương sống bất động, cứng nhắc trong hợp tác phát triển mà là các cơ quan hữu cơ luôn vận động thích nghi với môi trường đang biến đổi.

Đối với nhiều mạng lưới quốc tế, những năm tới đây là khoảng thời gian đầy thách thức vì môi trường hoạt động của chúng ngày càng năng động và có tính cạnh tranh hơn.

Còn có rất nhiều những bài học cần được chia sẻ từ các mạng lưới quốc tế hiện nay nhưng sự học hỏi là một quá trình đòi hỏi tốn kém thời gian. Nếu bài viết này đóng góp vào quá trình học hỏi những nội dung thực sự làm cho mạng lưới vận động hiệu quả, thì mục tiêu của nó đã được hoàn thành.

Nguyễn Văn Y
(biên dịch)

HOẠT ĐỘNG THEO MẠNG LƯỚI

CÔNG CỤ HỖ TRỢ CÔNG TÁC HOẠCH ĐỊNH & TRIỂN KHAI CHÍNH SÁCH LÂM NGHIỆP Ở VIỆT NAM

(Lược trích nghiên cứu của TS Bernd Liss)

BỐI CẢNH

Định hướng mới của ngành lâm nghiệp đòi hỏi những thay đổi lớn trong cơ cấu tổ chức và cách thức thực hiện quá trình hoạch định chính sách. Xây dựng chính sách và quyết định thực hiện chính sách đòi hỏi phải có những thông tin kịp thời và đáng tin cậy và kết quả phân tích sâu rộng. Cần xem xét đến những mối quan tâm chung của toàn xã hội, nhu cầu cụ thể của người dân nông thôn, các yêu cầu của khu vực tư nhân, và năng lực thực hiện tại tất cả các cấp nhằm cân đối giữa bảo tồn, bảo vệ rừng với phát triển rừng giúp tăng trưởng kinh tế bền vững và cải thiện đời sống. Trong suốt quá trình xây dựng chính sách, cần tham khảo ý kiến của các nhóm lợi ích và các đơn vị địa phương, đồng thời lồng ghép các kết quả nghiên cứu vào tư vấn chính sách.

Một phân tích nêu rõ¹ quá



trình xây dựng chính sách lâm nghiệp tại Việt Nam tương đối toàn diện, đồng thời liên quan đến quá trình tham vấn mở rộng. Tuy nhiên, quá trình này diễn ra chậm và đối mặt với rất nhiều khó khăn. Năng lực và nguồn lực phát triển chính sách đều không

đủ, thường thiếu phân tích toàn diện, ngoài ra vẫn còn chưa có công cụ kiểm tra chất lượng các chính sách. Không kể đến các quan chức nhà nước, các đối tượng có liên quan tham gia rất hạn chế, và quá trình tham vấn cấp cơ sở để đưa ra quyết sách và

¹ Liss, Bernd-Markus và Vũ Long, 2006, “*Mạng lưới Chính sách tại Việt Nam - Làm thế nào để cải thiện mạng lưới?*” Báo cáo về Đoàn Tư vấn. Chương trình Lâm nghiệp Việt Nam - CHLB Đức, Hợp phần 3: Chính sách Lâm nghiệp. Hà Nội, 11/2006

ý kiến phản hồi về tác động của chính sách theo yêu cầu của Nghị định 163² cũng rất hạn chế. Kỹ năng quản lý kiến thức và thông tin về các giai đoạn chính sách lâm nghiệp khu vực và quốc tế còn nghèo nàn và mối gắn kết giữa các mạng lưới rất yếu kém.

Do đó, các chính sách hiện nay thường không phù hợp với thực tế; những chính sách này gây ra những khó khăn trong thực hiện và không ảnh hưởng như mong muốn. Các chính sách thường không hoàn thiện và không tạo ra sự cân bằng các mối quan tâm giữa tập thể và cá nhân. Kết quả là, chất lượng của chính sách thường không đáp ứng nhu cầu của ngành theo định hướng mới phát triển nền kinh tế thị trường với sự đóng góp ngày càng tăng đối với tăng trưởng kinh tế, xoá đói giảm nghèo và bảo vệ môi trường nhằm đạt mục tiêu chung phát triển quốc gia bền vững. Ngoài ra, triển vọng các đề tài gây tranh cãi quốc tế, chẳng hạn như thay đổi rừng và khí hậu, hiện chưa được khai thác đầy đủ để phát triển lâm nghiệp bền vững tại Việt Nam.

Căn cứ vào chỉ thị của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, năm 2005 đã thiết lập được 6 Mạng lưới Lâm nghiệp vùng, gồm đại diện các tỉnh lớn có rừng nhằm tăng cường mối liên kết phổ biến thông tin và hợp tác với ngành lâm nghiệp từ cấp TRUNG ƯƠNG đến ĐỊA PHƯƠNG và ngược lại. Mạng lưới này mang lại một công cụ đối thoại các vấn đề lâm nghiệp cho nhiều vùng khác nhau đồng



thời theo dõi sự hợp tác giữa các tỉnh, chính quyền TRUNG ƯƠNG, Chương trình Hỗ trợ Ngành Lâm nghiệp và các đối tác quốc gia và quốc tế khác. Tuy nhiên, kinh nghiệm về Mạng lưới Chính sách Lâm nghiệp dường như đã bị lẫn lộn. Một số kinh nghiệm đã được phát triển thành ý tưởng, trong khi đó một số khác được phổ biến rộng rãi. Nhìn chung, chúng vẫn chưa có khả năng thu hút sự tham gia của các đối tượng hưởng lợi chính có quan tâm đến ngành lâm nghiệp, việc điều phối với các ngành hiện vẫn còn yếu kém, và vai trò quản lý thông tin và phản hồi về việc xây dựng và thực hiện chính sách còn hạn chế.

Mạng lưới chính sách lâm nghiệp đề xuất sẽ góp phần khắc phục các vấn đề nêu trên và cải thiện quá trình quyết sách lâm nghiệp nhằm tăng cường hành

động và tác động đến cơ sở hỗ trợ thực hiện Chiến lược theo định hướng mới của ngành lâm nghiệp.

THIẾT LẬP MẠNG LƯỚI CHÍNH SÁCH LÂM NGHIỆP TẠI VIỆT NAM

Mục tiêu của Mạng lưới Chính sách nhằm:

- Nâng cao chất lượng và tính hiệu quả của các chính sách lâm nghiệp được ban hành hỗ trợ cho việc thực thi có hiệu quả Chiến lược 2006 - 2020; và
- Tăng cường tạo lập và chia sẻ thông tin, kiến thức giữa các thành viên mạng lưới vùng, quốc gia và quốc tế trong quá trình xây dựng chính sách lâm nghiệp.

Mạng lưới sẽ dựa trên nguyên tắc công bằng, tự nguyện, sáng tạo, cởi mở, minh bạch, tôn trọng lẫn nhau và cùng có lợi. Mạng

² Nghị Định 161/2005/ND-CP của Thủ tướng Chính phủ, ngày 27/12/2005.

lưới nhằm tăng cường sự trao đổi thông tin, kinh nghiệm, kiến thức giữa các thành viên và mở rộng sự tham gia của tất cả mọi đối tượng quan tâm đến ngành lâm nghiệp và đóng góp vào việc thực thi Chiến lược 2006 - 2020.

Mạng lưới Chính sách Lâm nghiệp Việt Nam gồm 1 Mạng lưới cấp Trung ương và Mạng lưới vùng có mối liên kết qua lại chặt chẽ với nhau:

Mạng lưới Chính sách Trung ương sẽ căn cứ vào chính sách lâm nghiệp hiện có về mạng lưới, tập hợp mạng lưới theo tiến độ của Chương trình Hỗ trợ Ngành Lâm nghiệp (FSSP) và từng mạng lưới lâm nghiệp quốc gia cụ thể như Tổ Công tác Lâm

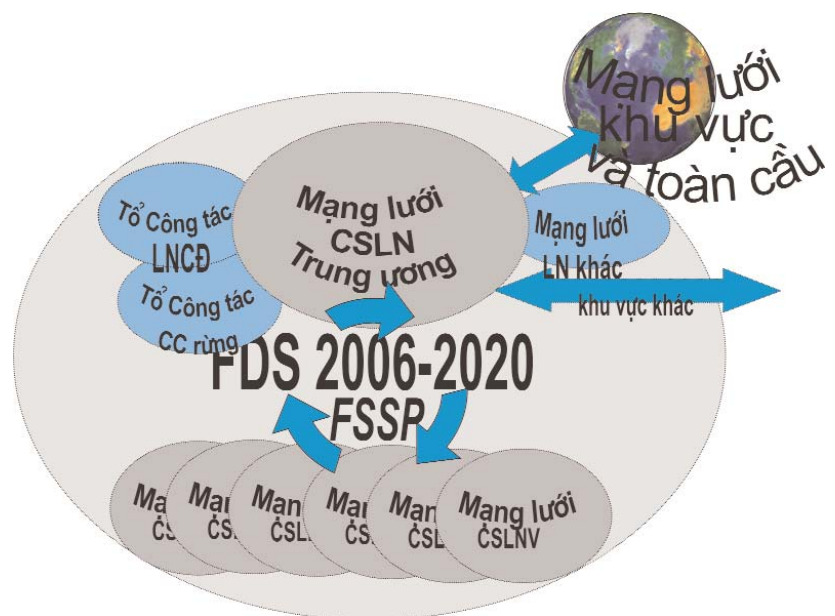
nghiệp Cộng đồng và Tổ Công tác Quốc gia về Quản lý Rừng Bền vững. Liên kết chặt chẽ với Tiểu ban Điều phối được thành lập để thực hiện các chương trình nêu trong Chiến lược, đặc biệt Tiểu ban Điều phối của Chương trình V của Chiến lược. Mạng lưới này sẽ tạo nên các mối liên kết liên ngành kết nối với các mạng lưới khác của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn như Mạng lưới Hỗ trợ Nông nghiệp và Mạng lưới đồng bằng sông Hồng đồng thời với Nhóm Tư vấn Chính sách của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Thiết lập thêm các mối liên kết với mạng lưới chính sách lâm nghiệp ở cấp khu vực (ASEAN) và cấp quốc tế.

Mạng lưới Chính sách Lâm nghiệp Vùng sẽ căn cứ vào Mạng lưới chính sách vùng được thiết lập trong khuôn khổ Chương trình Hỗ trợ ngành Lâm nghiệp. Hiện nay, mạng lưới sẽ được hoạt động thử nghiệm tại Tây Nguyên. Nếu thành công, sẽ nhân rộng mô hình này ra các vùng khác. Tại cuộc họp ngày 19/3/2007 ở Buôn Mê Thuột, các thành viên chủ chốt của Mạng lưới Lâm nghiệp khu vực Tây Nguyên gồm tỉnh Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông và Lâm Đồng đã nhất trí mở rộng Mạng lưới Lâm nghiệp vùng hiện có thành Mạng lưới Chính sách Lâm nghiệp vùng, một mô hình mạng lưới chính sách lâm nghiệp cấp vùng tại Việt Nam.

Hình 1: Mạng lưới Chính sách Lâm nghiệp Trung



Hình 2: Mạng lưới Chính sách Lâm nghiệp ở Việt Nam



Mạng lưới chính sách lâm nghiệp trung ương và vùng gồm các thành viên chủ chốt và đối tác mở rộng có ảnh hưởng lẫn nhau và có trách nhiệm và vai trò được xác định rõ ràng trong một cơ cấu tổ chức hợp tác chặt chẽ như mô tả trong Hình 1.

Cả hai cấp đều có mối tương quan chặt chẽ với nhau về thành viên tham gia và cơ chế trao đổi thông tin và kết nối với các ngành và mạng lưới lâm nghiệp khác ở cấp quốc gia và cấp quốc tế (xem Hình 2).

Quy trình thành lập và hoạt động của mạng lưới được trình bày chi tiết trong đề cương công tác. Hiện đã xây dựng được đề cương công tác cho cả cấp TRUNG ƯƠNG và vùng thí điểm và đã trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cân nhắc và chỉ đạo các bước tiếp theo. Xem Dự thảo đề cương công tác và mẫu đăng ký thành viên trong Phụ lục.

Mạng lưới này sẽ thành lập cơ chế trao đổi thông tin hiệu quả trong các thành viên, đồng thời tìm hiểu về kinh nghiệm và bài học trong xây dựng và thực hiện chính sách. Trong chuyến công tác tháng 11/2006 đã đưa ra các đề xuất liên quan (xem báo cáo). Hiện nay, đang xây dựng thêm chi tiết về cơ chế quản lý thông tin và kiến thức để phục vụ Mạng lưới Chính sách Lâm nghiệp, trong đó có sự tham gia của Viện Chính sách và Chiến lược Nông nghiệp và PTNT (ISPARD), và Trung tâm Thông tin Nông nghiệp và PTNT

(AGROINFO)³. Những ý tưởng ban đầu là xây dựng trang web, tin tức điện tử, diễn đàn chính sách lâm nghiệp và bản tin chính sách lâm nghiệp.

Cần thành lập hệ thống thông tin để hỗ trợ cho mạng lưới. Hệ thống này không chỉ là hệ thống thông tin hai chiều từ Trung ương đến địa phương mà còn có hiệu quả về mặt chi phí cho việc thành lập một cổng, một trang thông tin chứa tất cả những thông tin hiệu quả phục vụ cả mạng lưới chính sách lâm nghiệp Trung ương và Mạng lưới chính sách lâm nghiệp Vùng. Về lâu dài, khi hệ thống này chứng minh được sự hữu dụng của nó và đáp ứng yêu cầu của nhiều đối tượng khác nhau, sẽ mở rộng quy mô và nguồn để phục vụ các hoạt động khác của ngành lâm nghiệp.

Tuy nhiên, thành lập một cổng thông tin là một quá trình lâu dài bắt đầu bằng các hoạt động nhỏ, mang tính thí điểm sau đó được mở rộng khi có hiệu quả. Trong thời gian đầu, cần xây dựng trang web đăng tải các hoạt động của mạng lưới, lịch trình và thông tin liên quan. Khi mạng lưới có nhiều hoạt động hơn và có kết quả, thì có thể phát triển thêm nhiều sản phẩm khác như tin điện tử, diễn đàn, bản tin. Cần lưu ý rằng nội dung của các sản phẩm thông tin này không chỉ bắt nguồn từ các nguồn thông tin của mạng lưới mà còn từ các nguồn liên quan trong và ngoài Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

Nội dung thông tin của mạng

lưới không đơn thuần về các vấn đề chính sách mà còn về nhiều vấn đề khác, đặc biệt là thông tin thị trường. Cần lưu ý rằng việc thành lập hệ thống thông tin sẽ có hiệu quả cho chính mạng lưới và ngành lâm nghiệp nói chung. Trong bối cảnh xuất khẩu lâm sản gia tăng mạnh và Việt Nam là thành viên của WTO, mạng lưới thông tin là vấn đề then chốt. Do đó, hệ thống thông tin thị trường về lĩnh vực lâm nghiệp sẽ cung cấp thông tin hữu ích và những phân tích sâu về giá cả, cung, cầu và triển vọng của các địa phương để hỗ trợ cho các nhà hoạch định chính sách và cộng đồng doanh nghiệp.

Để tối đa hoá tính hiệu quả của các thông điệp chính, cần sử dụng nhiều công cụ thông tin và thông tin liên lạc khác nhau cho các đối tượng khác nhau, chẳng hạn như hộp thư điện tử, trang web, bảng tin, tài liệu, chương trình truyền hình.

CÁC THÀNH VIÊN CỦA MẠNG LƯỚI

Nhóm nòng cốt ở cấp Trung ương gồm đại diện một số Cục/Vụ chủ chốt trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, đặc biệt Vụ Pháp chế và Cục Lâm nghiệp, là hai Cục/Vụ chủ yếu chịu trách nhiệm về các vấn đề xây dựng chính sách lâm nghiệp. Ngoài ra, ISPARD và Văn phòng Chính phủ nên trở thành thành viên cốt lõi theo phạm vi quyền hạn và vai trò trong tư vấn chính sách, lập

³ Viện Chính sách và Chiến lược PTNNNT (IPSARD) hiện nay đang trong quá trình quá độ trở thành cơ quan tham mưu chính sách cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Kể từ năm 2005, Trung tâm Thông tin (AGROINFO) thuộc Viện Chính sách và Chiến lược PTNNNT đã chính thức hoạt động với chức năng và nhiệm vụ thu thập, tổng hợp, phân tích và cung cấp các thông tin thị trường, thông tin về chính sách và chiến lược cho công tác quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Viện Chính sách và Chiến lược và các hoạt động nghiên cứu khác.



quyết sách và quản lý thông tin. Ở cấp vùng, các thành viên chủ chốt hoặc là Phó Giám đốc Sở NN và PTNT hoặc Chi cục trưởng Chi cục Lâm nghiệp

Đặc biệt, cần khuyến khích khu vực tư nhân và đoàn thể tham gia vào Mạng lưới. Thành phần tham gia khác nhau tùy theo từng các chủ đề hoạt động của Mạng lưới. Cán bộ truyền thông và đại diện ngoài ngành cần có kiến thức về lâm nghiệp và xây dựng định hướng chính sách liên ngành và chính sách vĩ mô.

NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG

Mạng lưới Chính sách thường chú trọng đến các chủ đề về thực hiện Chiến lược Phát triển Lâm nghiệp Quốc gia. Những lĩnh vực chính sách dưới đây đã được Bộ và tỉnh ưu tiên đề cập đến:

- Thông tư Hướng dẫn xây dựng Quy hoạch, kế hoạch Phát

triển và Bảo vệ Rừng các cấp;

- Xây dựng Thông tư Hướng dẫn Thực hiện Nghị định Định giá rừng;

- Hướng dẫn cơ chế hưởng lợi theo cách tiếp cận lâm nghiệp cộng đồng;

- Giao đất lâm nghiệp;

- Đổi mới các lâm trường quốc doanh/chuyển đổi thành các doanh nghiệp kinh doanh.

Ngoài ra, góp phần xây dựng chính sách về các đề tài thực tế, cần sử dụng Mạng lưới để chuẩn bị cho Việt Nam vào quá trình thảo luận chính sách lâm nghiệp quốc tế. Cần cố gắng hỗ trợ thành lập vị thế tại các cuộc đàm phán chính sách lâm nghiệp trong tổ công tác liên bộ, gồm các đầu mối phục vụ tiến trình và quá trình quốc tế liên quan đến lâm nghiệp⁴.

Một nhiệm vụ quan trọng hiện nay là chuẩn bị phiên họp

tiếp theo của Diễn đàn Lâm nghiệp của Liên Hợp Quốc vào tháng 4/2007, xem xét các vấn đề: (1) kế hoạch hoạt động nhiều năm của UNFF trong tương lai và (2) xây dựng công cụ quốc tế không có tính ràng buộc pháp lý cho các diện tích rừng. Đề xuất liên kết với mạng lưới của các quan chức lâm nghiệp cấp cao ASEAN (ASOF) trong điều phối chính sách để có cơ hội tham gia cải thiện vị thế trong các nước thành viên ASEAN, hoạt động này hiện nay do GTZ hỗ trợ trong khuôn khổ Chương trình Lâm nghiệp vùng của Ban Thư ký ASEAN.

CÔNG TÁC THÔNG TIN

Nhằm chuẩn bị nhanh chóng và hiệu quả mạng lưới chính sách lâm nghiệp, cần tiến hành xây dựng trang web lưu trữ những thông tin nền làm cơ sở hạ tầng thông tin. Cần tiến hành hoạt động này trước khi Mạng lưới Chính sách hoạt động.

Bước tiếp theo là phát hành ấn phẩm tin điện tử, diễn đàn và bản tin. Các hoạt động khác gồm xây dựng cơ sở dữ liệu về chính sách lâm nghiệp không chỉ bao gồm các chính sách của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn mà còn của các Bộ ngành khác có liên quan, đồng thời xây dựng hệ thống thông tin thị trường và cơ sở dữ liệu về giá thị trường. Vì hoạt động của Mạng lưới diễn ra trên quy mô lớn nên cần kết nối với phương tiện thông tin đại chúng để tăng cường hiệu quả.

⁴ Văn phòng Điều phối đã đưa ra sáng kiến hỗ trợ này vào năm 2005. Sau đó rút ra kinh nghiệm từ phương pháp này, và hỗ trợ điều phối với Văn phòng Điều phối.

LÂM NGHIỆP XÃ HỘI & XÃ HỘI HÓA LÂM NGHIỆP

Tô Đình Mai

Giám đốc Trung tâm Môi trường và Phát triển Cộng đồng (CECoD)



1. Từ thời kỳ Đổi Mới đến nay, nghề rừng nước ta đã có những chuyển biến đáng kể về định hướng chiến lược và chính sách phát triển lâm nghiệp. Từ những Văn bản qui phạm pháp luật (VBQPPL) đã ban hành cũng như trên thực tế đã thể hiện rõ những quyết tâm chuyển đổi lâm nghiệp từ một ngành kinh tế có nhiệm vụ khai thác tài nguyên rừng là chính sang xây dựng ngành lâm nghiệp với nhiệm vụ cơ bản là

xây dựng và phát triển vốn rừng; đẩy mạnh sản xuất lâm sản và phát triển các dịch vụ lâm nghiệp trên cơ sở vốn rừng và tài nguyên rừng được quản lý bền vững.

Trên thực tế, các cơ quan nhà nước ở cấp Trung ương đã ban hành gần 200 VBQPPL có liên quan đến Chính sách lâm nghiệp (CSLN). Từ năm 1993 đến nay, Chính phủ đã liên tục hoạch định và tổ chức thực thi 2 Chương trình quốc gia lớn về khôi phục và phát triển rừng, đó là: Chương trình 327 và Dự án 661, với mục tiêu quyết tâm nâng cao độ che phủ rừng của toàn quốc đạt trên 43% vào năm 2010. Gần đây, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định về Phê duyệt Chiến lược Phát triển lâm nghiệp đến năm 2020. **Về tổng thể, nước ta đã hình thành một hệ thống chính sách lâm nghiệp được trình bày ở các Nghị quyết của Đảng và các VBQPPL của**

nhà nước.

2. Hệ thống CSLN hiện hành đã có nhiều tác động tích cực đến quá trình thực hiện các mục tiêu phát triển lâm nghiệp và phát triển kinh tế-xã hội (KTXH), biểu hiện ở các biến đổi chủ yếu sau đây:

- Đã ngăn chặn được nạn suy giảm diện tích rừng. Khoảng 15 năm gần đây, độ che phủ rừng toàn quốc liên tục tăng, từ 27,2% vào năm 1990 lên 37% vào năm 2005;

- Đã qui hoạch và thiết lập 126 khu rừng đặc dụng với diện tích gần 2 triệu ha, đặt được nền móng ban đầu để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ đa dạng sinh học và quản lý, phát triển lâm nghiệp theo hướng xây dựng lâm nghiệp sinh thái;

- Tốc độ phát triển trồng rừng cao, diện tích rừng trồng hiện có lớn. Hiện nay, nước ta là một trong 14 nước có trên 1 triệu ha rừng trồng;

- Công nghiệp gỗ và lâm sản đã có những chuyển đổi tích cực về cơ cấu và nâng cao năng lực sản xuất, góp phần tạo nên một thành tựu có tính đột biến về nâng cao kim ngạch xuất khẩu lâm sản và tạo những cơ hội mới để phát triển rừng nguyên liệu công nghiệp;

- Các hoạt động kinh doanh rừng và sản xuất lâm nghiệp đã bước đầu thu hút sự tham gia của toàn xã hội, và đang chuyển hướng theo hướng phát triển lâm nghiệp xã hội, với sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế, nhiều tầng lớp nhân dân khác nhau.

3. Tuy vậy, cần nhận rõ những điểm yếu kém về phát triển rừng và lâm nghiệp bền vững ở nước ta trong giai đoạn mới, đó là:

- Nhận thức của xã hội về vai trò, lợi ích của rừng và nghề rừng còn rất khác nhau;

- Sự tham gia của người dân trong quá trình phát triển lâm nghiệp còn thấp. Vai trò và tác động của rừng và nghề rừng đối với xoá đói giảm nghèo, phát triển nông thôn miền núi còn thấp; Trình độ xã hội hoá lâm nghiệp chưa đạt được các mục tiêu mong muốn;

- Tốc độ tăng trưởng và đóng góp của ngành lâm nghiệp còn rất thấp;

- Cơ cấu rừng và cơ cấu kinh tế lâm nghiệp chưa phù hợp với yêu cầu của đất nước và chuyển dịch cơ cấu lâm nghiệp trong quá trình công nghiệp hoá đất nước đang còn chậm;

4. Thực trạng yếu kém đáng quan tâm nhất là: Mặc dù độ che phủ rừng đang dần

dần tăng lên, nhưng chất lượng rừng chưa có những cải thiện rõ rệt. Sức sản xuất, năng lực phòng hộ của rừng tự nhiên và rừng trồng còn quá thấp; Công tác quản lý, bảo vệ tài nguyên rừng còn nhiều bất cập. Hiệu lực của công tác quản lý nhà nước về tài nguyên rừng chưa cao. Càng xuống cấp dưới, càng đi vào những vùng lãnh thổ có nhiều rừng, các yếu kém về quản lý nhà nước đối với rừng càng bộc lộ rõ ràng.

5. Phát triển rừng và Phát triển lâm nghiệp bền vững trong giai đoạn hiện nay là một đòi hỏi khách quan và tất yếu và đang đứng trước những thách thức rất to lớn sau đây:

- Nước ta là một nước đất hẹp, người đông, là nước nghèo về rừng;

- Quỹ đất dành để xây dựng và phát triển rừng chưa rõ ràng và mức độ ổn định của lâm phần hiện có rất thấp.

- Năng lực tiềm tàng của rừng chưa được khai thác và sử dụng hợp lý theo quan điểm kết hợp bảo tồn và phát triển nên tốc độ tăng trưởng và đóng góp của lâm nghiệp vào GDP còn quá thấp;

- Những nguyên nhân gây nên nạn mất rừng vẫn đang tồn tại và đầy thách thức như: Đói

nghèo và gia tăng dân số vẫn còn tồn tại ở nhiều vùng; Hiệu quả của các giải pháp để bảo vệ và phát triển rừng còn thấp.

- Năng lực quản lý rừng của các chủ thể đang được giao nhiệm vụ quản lý rừng còn yếu kém và không ổn định;

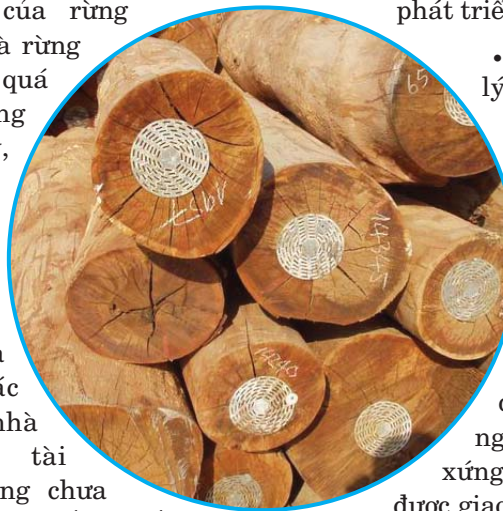
- Nguồn lực đầu tư cho lâm nghiệp chưa tương xứng với nhiệm vụ được giao;

6. Để đối phó với các thách thức và giải quyết các tồn tại nói trên, phân đấu thực hiện các mục tiêu đã nêu trong Chiến lược phát triển lâm nghiệp đến năm 2020, chúng ta cần tập trung nghiên cứu, hoạch định, tổ chức thực hiện một hệ thống chính sách lâm nghiệp có khả năng thu hút cao sự tham gia của người dân, của các thành phần kinh tế, tạo nên động lực mới để phát triển lâm nghiệp bền vững trong điều kiện của nền kinh tế thị trường.

7. Muốn xây dựng hệ thống chính sách lâm nghiệp đáp ứng được yêu cầu phát triển lâm nghiệp cần phải xoá bỏ những "tư duy bao cấp, chủ quan, duy ý chí" đang tồn tại, đáng lưu ý nhất là:

- Tư duy và nhận thức "Rừng là kho gỗ, kho tài nguyên tự nhiên không có giá trị";

- Chưa chú trọng đúng mức vai trò của con người và chưa





nghiên cứu kỹ các qui luật xã hội, các vấn đề xã hội phát sinh và cần giải quyết trong quá trình phát triển lâm nghiệp.

- Tư duy lý luận về quyền sở hữu, quyền sử dụng, quyền hưởng lợi về rừng và đất lâm nghiệp chưa minh bạch, còn nhiều lẫn lộn, thường lo sợ nếu giao rừng đến tận các hộ gia đình quản lý và hưởng lợi thì rừng sẽ bị mất;

- Tư duy "phát triển bình quân" đã dẫn đến tình trạng dàn trải trong đầu tư và quản lý, xây dựng rừng;

- Tư duy về quan hệ giữa bảo vệ/bảo tồn rừng - sử dụng rừng - phát triển rừng chưa đầy đủ và chưa đúng, không nhất quán.

- Tư duy xem nhẹ tác động của các qui luật của kinh tế thị trường và những qui luật lâm sinh, lâm học.

Phát triển lâm nghiệp trong điều kiện nền kinh tế thị trường ngày càng phát triển đòi hỏi chúng ta phải xây dựng những tư duy mới, đó là:

- Tôn trọng tác dụng nhiều mặt của rừng, chú trọng cao đến các tác dụng sinh thái rừng;

- Thật sự coi trọng vai trò của con người trong quá trình bảo vệ và phát triển rừng ,

- Tôn trọng các qui luật kinh tế thị trường;

- Tôn trọng các qui luật lâm sinh và qui luật về xã hội - nhân văn;

8. Đẩy mạnh phát triển lâm nghiệp xã hội là cách lựa chọn hợp lý để xây dựng hệ thống chính sách phát triển lâm nghiệp ở nước ta trong giai đoạn hiện nay

Đại hội Đảng lần thứ IX đã

xác định: "Bảo vệ và phát triển rừng, nâng độ che phủ của rừng lên 43%. Hoàn thành việc giao đất, giao rừng ổn định và lâu dài theo hướng xã hội hoá lâm nghiệp, có chính sách bảo đảm cho người làm rừng sống được bằng nghề rừng. Kết hợp lâm nghiệp với nông nghiệp và có chính sách hỗ trợ để định canh, định cư, ổn định và cải thiện đời sống nhân dân miền núi. Ngăn chặn nạn đốt, phá rừng. Đẩy mạnh trồng rừng kinh tế, tạo nguồn gỗ trụ mỏ, nguyên liệu cho công nghiệp bột giấy, công nghiệp chế biến gỗ và làm hàng mỹ nghệ xuất khẩu; nâng cao giá trị sản phẩm rừng".

Cần khẳng định "xã hội hoá lâm nghiệp, có chính sách bảo đảm cho người làm rừng sống được bằng nghề rừng. Kết hợp lâm nghiệp với nông nghiệp" là phương hướng cơ bản

để xây dựng hệ thống CSLN ở nước ta trong giai đoạn hiện nay vì: Phát triển lâm nghiệp xã hội phù hợp với thực tiễn cơ cấu dân số, phân bố dân cư và trình độ kinh tế - xã hội, phù hợp với ý kiến, nguyện vọng của gần 30 triệu cư dân sống ở vùng gần rừng; Có khả năng sử dụng và phát huy được mọi nguồn lực của người dân; Trên thực tế đã được nhân dân, nhất là nhân dân sống gần rừng đón nhận và thực hiện và đã xây dựng được những mô hình quản lý rừng có hiệu quả, có tác động tích cực đến PTLNBV.

9. Lâm nghiệp xã hội là một thuật ngữ phát sinh từ các nước đang phát triển, mới được sử dụng phổ biến trong những thập kỷ gần đây. Hơn nữa, tùy theo nhận thức của các nhà nghiên cứu, góc độ nghiên cứu, tình hình KTXH, tình hình rừng và yêu cầu của những vấn đề cần giải quyết ở các nước rất khác nhau, nên

nhận thức về khái niệm, đặc trưng của lâm nghiệp xã hội ở các nước cũng rất đa dạng.

Hiện nay, nhận thức và khái niệm, nội hàm của Thuật ngữ "Lâm nghiệp xã hội và xã hội hoá lâm nghiệp" còn có nhiều điểm khác nhau (cả về mục tiêu, và nội dung, từ cơ quan hoạch định và tổ chức thực thi CSLN, đến tất cả các bên có liên quan). Nhiều nơi, nhiều lúc đang tồn tại những những nhận thức đơn giản, sai lầm về lâm nghiệp xã hội và xã hội hoá lâm nghiệp. Trên thực tế đã có những nhận thức đơn giản về khái niệm LNXH và XHHLN, như:

- Cho rằng XHHLN là chuyển công nhân lâm nghiệp ở các lâm trường quốc doanh thành "nông dân làm nghề rừng".
- Cho rằng XHHLN là giảm bớt vai trò của nhà nước đối với ngành lâm nghiệp để bớt gánh nặng về ngân sách đối với rừng, và
- Cho rằng XHHLN là chuyển từ "lâm nghiệp truyền

thống" sang lâm nghiệp xã hội. Có người hiểu lâm nghiệp truyền thống là "lâm nghiệp quốc doanh", "lâm nghiệp nhà nước. Có người hiểu "lâm nghiệp truyền thống" là "lâm nghiệp khai thác gỗ".

10. Chúng ta không nên thảo luận các khái niệm theo kiểu "hàn lâm", nhưng nếu các nhà hoạch định chính sách không giải thích thống nhất các khái niệm và nội hàm của thuật ngữ "lâm nghiệp xã hội" thì khó xác định đúng nội dung các chính sách lâm nghiệp cần xây dựng để đẩy mạnh thực hiện LNXH và XHHLN.

Theo chúng tôi, LNXH là thu hút được cao độ sự tham gia của người dân vào các hoạt động lâm nghiệp, từ những hoạt động về quản lý, bảo vệ kinh doanh rừng, nuôi trồng rừng đến khai thác, chế biến lâm sản và các dịch vụ lâm nghiệp khác dựa trên cơ sở tài nguyên rừng. Xã hội hoá lâm nghiệp là quá trình biến đổi từ nền kinh tế lâm nghiệp truyền thống sang xây dựng nền kinh tế lâm nghiệp xã hội với đặc trưng chủ yếu là phát huy vai trò của con người trong quá trình xây dựng và quản lý hệ sinh thái rừng.

Để nâng cao nhận thức về LNXH cần có những công trình nghiên cứu, tổng thuật về quá trình phát triển lâm nghiệp trên thế giới và nhiều hoạt động truyền thông, thông tin về LNXH và XHHLN để chuyển đến toàn xã hội những nhận thức thống nhất. Đó là giải pháp đầu tiên để thực hiện quá trình xã hội hoá lâm nghiệp ở nước ta.





11. Thực hiện mục tiêu: "Làm cho mỗi khu đất lâm nghiệp, mỗi cánh rừng đều có chủ, bảo đảm cho người làm rừng sống được bằng nghề rừng" là khởi đầu của quá trình xã hội hoá lâm nghiệp.

Trong nhiều văn kiện của Đảng đã nhấn mạnh: "Bảo vệ rừng là sự nghiệp của toàn dân" "Đẩy mạnh giao đất giao rừng, "...làm cho mỗi khu đất, mỗi cánh rừng, mỗi quả đồi đều có người làm chủ cụ thể...", "Thực hiện "xã hội hoá lâm nghiệp, có chính sách bảo đảm cho người làm rừng sống được bằng nghề rừng". Đây là đường lối, chủ trương, chính sách phát triển lâm nghiệp mà Đảng đã đề ra ít nhất là gần 25 năm nay (kể từ Chỉ thị số 29-CT/TW ngày 12/11/1983 của Ban Bí thư TW

Đảng (Khoá V). Sau gần một phần tư thế kỷ thực hiện Chỉ thị này, địa phương nào cũng đã thực hiện giao đất, giao rừng, có nơi đã giao đi, giao lại nhiều lần đến lần thứ 4, thứ 5. Nhiều số liệu công bố kết quả giao đất giao rừng rất khác nhau. **Có thể khái quát những tồn tại về thực hiện chính sách giao đất giao rừng như sau:**

+ Tiến trình giao đất lâm nghiệp rất chậm chạp và không nhất quán. Tư tưởng chung là không dám giao rừng hiện có mà chỉ giao đất chưa có rừng. Đến nay, tổng số đất được chứng nhận quyền sử dụng đất đạt 7.106.995 ha, trong đó cấp cho hộ gia đình và cá nhân được 2.937.082 ha (bằng 41,3% tổng số đất đã giao). Số còn lại giao cho các tổ chức (với 4.384 giấy chứng nhận).

(Theo Báo cáo giám sát việc Triển khai thực hiện Nghị quyết của Quốc Hội về Dự án 5 triệu ha rừng)

+ Người được giao đất lâm nghiệp vẫn chưa nhận rõ là mình được làm chủ rừng đúng như khái niệm chung của từ ngữ "Ông chủ" đã được nhận thức trong dân gian và khái niệm về "chủ rừng" theo giải thích của Luật BV&PTR.

+ Số người đưa đất lâm nghiệp vào kinh doanh và diện tích đất lâm nghiệp đã giao được đưa vào kinh doanh còn quá thấp.

+ Chưa có nhiều người làm rừng sống được bằng nghề rừng.

Tuy vậy, trong thực tế cũng đã xuất hiện những điển hình tốt có đủ sức thuyết phục là đường lối nêu trên là chính xác. Vấn đề là, cần có nhận thức đúng và toàn diện về nội dung xã hội hoá lâm nghiệp và xây dựng một hệ thống chính sách khuyến khích và thúc đẩy người nhận đất, nhận rừng sử dụng đất được giao vào mục đích lâm nghiệp và theo phương thức nông lâm kết hợp.

Cùng với nội dung nói trên, chính sách LN cũng cần nghiên cứu để thể chế hoá việc vận dụng đường lối phát triển kinh tế nhiều thành phần trong lâm nghiệp. Cho đến nay, số lượng, qui mô và năng lực của các trang trại nuôi trồng rừng và doanh nghiệp trồng rừng tư nhân còn quá ít. Hầu hết các trang trại và doanh nghiệp trồng rừng tư nhân chưa nhận được quyền sử dụng đất lâm nghiệp lâu dài và ổn định.

12. Xây dựng hệ thống chính sách phát triển lâm nghiệp xã hội.

Hệ thống chính sách phát

triển lâm nghiệp xã hội có những đặc trưng cơ bản sau đây:

- Thể hiện bằng hệ thống VBQPPL của các cơ quan nhà nước ở các cấp ban hành.

- Nội dung chủ yếu thường tập trung vào các chính sách và giải pháp để thu hút toàn xã hội, nhất là những cộng đồng dân cư sống gần rừng, sống dựa vào rừng tham gia vào các hoạt động về Quản lý, Bảo vệ, sử dụng và phát triển rừng- vấn đề cơ bản nhất của lâm nghiệp .

- Phải xây dựng theo những nguyên tắc và phương pháp thống nhất.

- Có nhiều nhóm chính sách khác nhau được xây dựng phù hợp với những đối tượng cần tác động và điều chỉnh, nhưng phải tạo thành một hệ thống chính sách đồng bộ, thống nhất và hoàn chỉnh để huy động tốt nhất sự tham gia của nhiều nhóm lợi ích khác nhau.

13. Rà soát, hoàn thiện và hình thành hệ thống Chính sách LNXH trong thời kỳ mới:

Cho đến nay, chúng ta đã có nhiều VBQPPL về các chính sách lâm nghiệp. Nhưng nhìn chung, có thể thấy là tính chất đồng bộ, liên kết và mức độ tác động của hệ thống chính sách này chưa thể thu hút cao sự tham gia của nhân dân vào công tác lâm nghiệp, và lợi ích của những người tham gia vào các hoạt động lâm nghiệp bền vững chưa được khuyến khích cao.

Vì vậy, để phát triển và XHHLN, cần đẩy mạnh rà soát, nghiên cứu, hoàn thiện hệ thống chính sách lâm nghiệp hiện

hành để phục vụ cho mục tiêu phát triển LNXH ở những nội dung chính sau đây:

- **Về Chính sách đất đai:** Cần rà soát những chính sách, thủ tục và đánh giá việc tổ chức thực thi các VBQPPL về đất đai cụ thể để phát hiện và sửa chữa những điểm chưa hợp lý trong hoạch định và tổ chức thực hiện Luật đất đai nhằm **bảo đảm quyền sử dụng đất lâm nghiệp lâu dài và ổn định cho người dân**, nhất là quyền được quyết định về những nội dung sử dụng đất đai theo đúng qui luật của kinh tế thị trường.

- **Về Chính sách quản lý rừng:** Cần xem xét và xây dựng các chính sách lâm nghiệp với mục tiêu **phát huy đầy đủ vai trò tích cực của con người trong hệ sinh thái rừng**. Vấn đề quản lý sử dụng rừng theo qui hoạch của 3 loại rừng là vấn đề cần thảo luận thêm về cơ sở lý luận và thực tiễn để đổi mới chính sách. Vấn đề "đóng cửa rừng tự nhiên", trồng cây bản địa, phát triển lâm sản ngoài gỗ là vấn đề cần thảo luận . Chính sách đất đai và Chính sách quản lý rừng phải liên kết chặt chẽ để tạo điều kiện cho dân cư sống gần rừng giải quyết được 5 nhu cầu cơ bản về: Lương thực, Chất đốt, Vật liệu xây dựng nhỏ, Đồng cỏ chăn nuôi và Các thu nhập bằng tiền từ rừng.

- **Về chính sách phát triển nguồn nhân lực:** Người dân là lực lượng chính để phát triển LNXH, nhưng đến nay gần như chưa có những chính sách cụ thể nào để phát triển nguồn nhân lực này. Phải có chính sách và phải cải tiến tổ chức và phương

pháp truyền thông, giảng dạy để nâng cao kiến thức và kỹ năng lâm nghiệp đến cộng đồng.

- **Về chính sách tài chính, thuế, đầu tư, tín dụng:** Chính sách đầu tư và hỗ trợ đầu tư hiện hành chưa rõ ràng, lẫn lộn cả về nhận thức, cơ chế quản lý và sở hữu rừng cây. Tiếp theo là vấn đề hộ nông dân không tiếp cận trực tiếp được với các nguồn tín dụng của nhà nước. Đó là những vấn đề quan trọng nhất cần quan tâm.

- **Về chính sách cơ cấu cây trồng, khoa học công nghệ và khuyến nông-lâm:** Phát triển khuyến lâm, hỗ trợ giống cây rừng và xây dựng mô hình, thông tin thị trường và hướng dẫn người dân lựa chọn cơ cấu cây rừng để đạt năng suất cao và thu nhập cao là những vấn đề rất quan trọng.

- **Về chính sách hỗ trợ đặc biệt đối với đồng bào dân tộc, miền núi và dân cư sống gần rừng:** Đáng quan tâm nhất là nghiên cứu về chính sách sử dụng gỗ gia dụng phù hợp với tình hình rừng và lệ tục của từng dân tộc, từng vùng. Đi liền với quyền hưởng dụng các sản phẩm và lợi ích từng vùng cần có chế độ trách nhiệm cân xứng.

- **Về thể chế phân cấp quản lý rừng:** Vấn đề đáng quan tâm nhất là phân công rõ trách nhiệm quản lý nhà nước giữa các Bộ được giao quản lý các loại tài nguyên :Rừng-Đất-Nước-Khoáng sản và Môi trường. Tiếp theo đó là phân cấp quản lý tốt và hợp lý giữa chính quyền nhà nước ở 4 cấp: Trung ương-Tỉnh-Huyện-Xã.